

ĐIỀU TRA THỰC NGHIỆM

GIA ĐÌNH LÀ ĐƠN VỊ SẢN XUẤT CƠ BẢN Ở NÔNG THÔN (ĐIỀU TRA Ở HUYỆN THỐT NỐT, TỈNH HẬU GIANG)

ĐỖ THÁI ĐỒNG

Mặc dầu có những quy định cụ thể về các khâu khoán quản, hiện nay những công việc mà khu vực tập thể đảm nhiệm là rất ít ỏi. Sau lúc phân chia ruộng đất, mỗi gia đình đều tự tiến hành các thao tác sản xuất cụ thể trong hầu hết các khâu. Trường hợp một vài tập đoàn ở một vài xã còn duy trì khâu làm đất chung thì cũng không vì thế gia đình khỏi phải quan tâm vấn đề này. Việc trả công thuê mướn cày bừa vẫn tính trên hộ gia đình, không ít trường hợp gia đình phải thuê làm lại vì cày ầu cày đôi.

Nhưng sẽ là hình thức nếu chỉ tính đến các công việc cụ thể của sản xuất do ai đảm nhiệm. Trong thực tế, điều có ý nghĩa bản chất là với chỉ thị 100, người ta công nhận một mức nào đó vai trò đơn vị sản xuất cơ bản ở nông thôn là hộ gia đình.

Gia đình là đơn vị phân bố và sử dụng ruộng đất, là đơn vị đầu tư và tích lũy nội tại, tự hạch toán và kinh doanh, cân đối giữa quỹ sản xuất và tiêu dùng, là đơn vị thực hiện các nghĩa vụ đối với Nhà nước. Tất nhiên, việc tổ chức lao động, sử dụng cho hết các năng lực, lao động của mọi người già trẻ, sắp xếp công việc cho mỗi người, kế hoạch hóa lao động lúc thời vụ... đều do gia đình lo lấy. Khác với gia đình ở thành phố, gia đình nông thôn vừa là đơn vị sản xuất, vừa là đơn vị sinh sống, hai chức năng này không tách khỏi nhau.

Như vậy sản xuất được tiến hành trong quy mô, trong khuôn khổ của gia đình là một hình thái lịch sử ở nông thôn nước ta, là một kiểu quan hệ sản xuất có nguồn gốc lịch sử phản ánh một trình độ lực lượng sản xuất nhất định. Hiện tại chưa cho phép thoát ly đơn vị gia đình để đưa lao động cá nhân vào một quy mô, tổ chức lớn hơn, với trình độ quản lý phức tạp hơn.

Theo chúng tôi, cần phải nghiên cứu sâu sắc hơn hình thái gia đình ở nông thôn hiện nay từ tất cả các khía cạnh dân số học, kinh tế học, các truyền thống lịch sử và tâm lý. Điều này không dễ dàng, nhất là trong lúc này, những mặc cảm nào đó khiến người ta không muốn bộc lộ những “bí mật” về kinh tế của gia đình. Tuy nhiên, trong khi tiếp xúc với nhiều hộ gia đình ở các xã, ấp, bằng cách thảo luận với các gia trưởng về khả năng mở mang công việc làm ăn nếu có những điều kiện thuận lợi, chúng tôi nhận thấy một thái độ cởi mở của hầu hết mọi người cho phép chúng tôi hiểu được chừng nào tiềm năng sản xuất của các hộ gia đình nông dân Thốt Nốt. Tiềm năng ấy còn rất đáng kể trong cả hoạt động sản xuất nông nghiệp cũng như tiểu thủ công nghiệp. Phải nói ngay rằng, cách nhìn của chúng ta về đơn vị gia đình cho đến nay còn rất sơ lược, khiến cho chính sách kinh tế nông thôn chưa có một chiều sâu cần thiết để khai thác các tiềm năng đó.

Vậy hiện tượng của đơn vị gia đình ra sao? Chúng tôi xin nêu một số nét đã thu nhận được qua các cuộc khảo sát trực tiếp và bằng biểu mẫu.

Ở ấp Phụng (xã Thạch An) là nơi dân cư lâu đời và có ít những xác trộn hơn về dân số, ruộng đất, cách thức canh tác, chúng tôi đã điều tra 290 hộ và có được khuôn mặt của các hộ trên những nét sau đây:

Về mặt dân số học:

1. Hộ phân theo quy mô nhân khẩu:

<i>Quy mô nhân khẩu</i>	<i>Số hộ</i>	<i>%</i>
01 nhân khẩu	01	0,34
02 nhân khẩu	09	3,10
03 nhân khẩu	13	4,48
04 nhân khẩu	22	7,59
05 nhân khẩu	30	10,34
06 nhân khẩu	44	15,17
07 nhân khẩu	50	17,27
08 nhân khẩu	40	13,79
09 nhân khẩu	35	12,07
10 nhân khẩu	23	7,93
11 nhân khẩu	16	5,52
12 nhân khẩu	3	1,03
13 nhân khẩu	3	1,03
14 nhân khẩu	0	0
15 nhân khẩu	<u>1</u>	<u>0,34</u>
Cộng	290 hộ	100%

Như vậy, số hộ có nhân khẩu từ 6 đến 10 người chiếm gần 60% tổng số hộ Bình quân nhân khẩu trên hộ là 7,04 người.

2. Dân số lao động của hộ:

- Lao động trong tuổi phân theo giới tính:

Nam	505	48,19%
Nữ	<u>543</u>	<u>51,81%</u>
Cộng	1.048	100%

- Lao động trên tuổi phân theo giới tính:

Nam	48	37,80%
Nữ	<u>79</u>	<u>62,20%</u>
Cộng	127	100%

- Lao động dưới tuổi phân theo giới tính:

Nam	87	57,62%
Nữ	<u>64</u>	<u>42,38%</u>
Cộng	151	100%

- Tổng số lao động quy là: 1.161

- Bình quân lao động trên hộ là: 4 lao động/hộ.

3. Số thế hệ trong hộ:

	Số hộ	%
- Độc thân	1	0,34
- 1 thế hệ	2	0,69
- 2 thế hệ	209	72,07
- 3 thế hệ	78	26,90

Như vậy, số hộ gia đình hai thế hệ chiếm tỷ lệ lớn nhất trong lúc vẫn duy trì tròn 1/4 số gia đình ba thế hệ.

Về ruộng đất do hộ sử dụng:

1. Diện tích ruộng phân theo thời gian sử dụng của hộ:

Thời hạn	Diện tích	%
- Trên 12 năm (trước 1975)	2.093 công	50,67
- Từ 5 năm đến 12 năm	1.660 công	38,58
- Từ 3 năm đến 5 năm	214 công	5,18
- Dưới 3 năm	142 công	3,44
- Năm đầu	22 công	0,53
Cộng	4.141 công	100%

Như vậy, trên 50% diện tích ruộng là ruộng của các hộ đã có từ trước năm 1975. Những biến động về ruộng đất trong 12 năm qua liên quan đến 1/2 diện tích, trong đó phần lớn đã thay đổi từ năm 1982 về trước.

2. Quy mô đất ruộng có hộ sử dụng:

Diện tích	Số hộ	%
Không ruộng	11	3,8
Dưới 1 ha	46	15,8
Từ 1 - 1,5 ha	115	39,6
Trên 1,5 - 2 ha	75	25,8
Trên 2 - 2,5 ha	24	8,2
Trên 2,5 - 3 ha	15	5
Trên 3 - 4 ha	4	1,3

Như vậy, diện tích ruộng bình quân trên hộ là 14,43 công và diện tích ruộng bình quân trên nhân khẩu là 2,03 công.

Chúng tôi lấy số liệu của 300 hộ ở ấp G (xã Thạnh Anh) là nơi dân số miền Bắc mới định cư, nhưng xáo trộn có mức độ nhiều hơn để ta thử so sánh với tình hình ở ấp Phụng.

Về mật dân số học:

1. Hộ phân theo quy mô nhân khẩu:

Quy mô nhân khẩu	Số hộ	%
1 nhân khẩu	7	2,33
2 nhân khẩu	26	8,67
3 nhân khẩu	34	11,33
4 nhân khẩu	49	16,33
5 nhân khẩu	44	14,67

6 nhân khẩu	49	16,33
7 nhân khẩu	36	12,00
8 nhân khẩu	20	6,67
9 nhân khẩu	23	7,67
10 nhân khẩu	7	2,33
11 nhân khẩu	3	1,00
12 nhân khẩu	1	0,33
13 nhân khẩu	0	0
14 nhân khẩu	1	0,33
Cộng	300 hộ	100%

Như vậy, số hộ có nhân khẩu từ 3 đến 7 người chiếm hơn 70% số hộ, bình quân nhân khẩu trên hộ là 5,4 người/ hộ.

Sự khác biệt về quy mô nhân khẩu cũng dẫn tới sự khác biệt về bình quân lao động trên hộ. Ở cấp G, bình quân lao động trên hộ chỉ có 3 lao động.

Số thế hệ trong gia đình cũng có nét khác.

Số thế hệ	Số hộ	%
- Độc thân	7	2
- 1 thế hệ	27	9,00
- 2 thế hệ	222	74,00
- 3 thế hệ	44	14,67

Số gia đình 1 thế hệ và 2 thế hệ chiếm 83% số hộ. Những gia đình duy trì 3 thế hệ chỉ chiếm 14,67%.

Lý do của những khác biệt về dân số học giữa hai loại hình này có thể tìm thấy được quá trình phân chia ruộng đất, những xáo động ở cấp G về ruộng đất là mạnh hơn và do có gia đình cũng thích ứng với quá trình này một cách nhạy bén hơn. Có thể là những người Bắc cũng năng động hơn là khu vực dân cư người Nam.

Tự quan sát một số chỉ tiêu ruộng đất của các hộ ở ấp G như sau:

1. Diện tích ruộng phân thời gian sử dụng của hộ:

Thời hạn	Diện tích	%
- Trên 12 năm (trước 1975)	2,329,8 công	46,12
- Từ 5 năm đến 12 năm	507,4 công	10,04
- Từ 3 năm đến 5 năm	215,5 công	4,27
- Dưới 3 năm	679,35 công	13,45
- Năm đầu	1,320,05 công	26,13
Cộng	5,052,1 công	100%

Những biến động về ruộng đất tuy không làm thay đổi 46% diện tích sử dụng trước năm 1975, nhưng từ năm 1982 trở lại đây, những xáo trộn đều liên quan đến 43,85% diện tích và có thể đến 26,99% diện tích được các hộ sử dụng năm đầu. Ở đây, quá trình tách hộ, phân nhỏ hộ giảm bớt, dân số của hộ rõ ràng là để thích ứng với các biện pháp quản cấp ruộng đất theo quy chế khoán đã nói.

Chúng tôi không nói rằng hai hình ảnh của ấp G và ấp Phụng xã Thạnh Anh là tiêu biểu cho tình hình hộ gia đình ở các nơi khác, nhưng từ đó chúng ta có thể dự đoán chiều hướng của hộ biến đổi trong khi áp dụng cơ chế khoán.

Về ý nghĩa kinh tế, chúng tôi đề nghị xem xét kỹ hơn quá trình này. Việc phân nhỏ và tiếp tục phân nhỏ nữa các hộ không phải là việc làm có hiệu quả kinh tế. Đây cũng là sự thay đổi đáng kể về tập quán gia đình nông thôn, một sự thay đổi làm cho gia đình này gần gũi với mô hình gia đình đô thị, trong lúc các hoạt động sản xuất và sinh sống của nó khác rất xa đô thị.

Ở vùng 3, đặc biệt là ở Cù Lao và Trung Nhứt, chúng tôi đã khảo sát trực tiếp một số hộ. Cần phải dẫn ra đây một vài hiện tượng theo chúng tôi là đáng để xem xét khi tính đến các biện pháp khuyến khích gia đình phát triển sản xuất.

- Những gia đình bị giảm diện tích ruộng đất không phải chỉ qua một đợt mà qua nhiều đợt (năm 1977, năm 1982 gần đây) phần nhiều là những gia đình ba thế hệ tuổi gia trưởng trên dưới 55. Họ có phương tiện sản xuất nhưng không sử dụng hết công suất. Họ có kinh nghiệm sản xuất nhưng không được phát huy. Họ có vốn liếng nhưng không huy động vào sản xuất.

Những gia đình được chia thêm ruộng đất phần nhiều là những gia đình trẻ, 2 thế hệ, tuổi gia trưởng trên dưới 35. Họ có lao động nhưng thiếu phương tiện, thiếu vốn chưa tạo được cân bằng của đời sống gia đình để có khả năng tích lũy và đầu tư cho sản xuất.

- Một bộ phận những gia đình được chia ruộng lại là những gia đình không biết hoặc không có khả năng tự làm ruộng.

- Một bộ phận gia đình trước đây làm ruộng nay đang nỗ lực chuyển sang các ngành nghề khác, làm ruộng chỉ còn là hoạt động phụ. Một số rất có khả năng mở rộng các mặt hoạt động tiểu thủ công nghiệp (lò đường, cối kết, xay xát, gạch ngói, đồ gỗ, đóng ghe xuống).

- Một số gia đình vào loại khó khăn nhất có nguyện vọng tìm kiếm cuộc sống ở những vùng đất mới. Nếu được yểm trợ phần nào để nhanh chóng định cư và sản xuất họ có khả năng đứng vững qua những khó khăn ban đầu để bám đất và vươn lên (như trường hợp vùng di dân Quy Long). Nhưng cũng phải thấy trường hợp ít thành công (như của Vĩnh Trinh chẳng hạn).

- Việc tìm kiếm những công việc ngoài nông nghiệp, kể cả việc di chuyển khỏi nông thôn, cũng là một hiện tượng không phải ít thấy. Nhiều gia đình tìm nguồn thu nhập bằng đủ mọi nghề bám vào trực lộ và thị trấn, đó là những gia đình quá nghèo con cái của họ đến tuổi lao động cũng tìm đi làm thuê, làm mướn. Nhưng ngay cả ở những gia đình khá giả, việc rời bỏ nông nghiệp ra khỏi nông thôn cũng được thực hiện bằng nhiều cách khác nhau. Tóm lại, trong các xã áp hiện nay, quá trình “rời bỏ nông thôn” cũng được xem xét, vì nó gia tăng trong những năm tới nhất là trong giới trẻ.

Đưa ra một số hiện tượng trên đây, chúng tôi muốn nhấn mạnh đến sự khác biệt khá lớn giữa các gia đình nông thôn, sự đa dạng trong quá khứ còn tiếp tục trong hiện tại và một tương lai dài hơn nữa.

Trước một thực tế đa dạng như vậy, cách tổ chức sản xuất của chúng ta như hiện nay bộc lộ tính chất đơn điệu, gần như sau lúc đưa ra một mẫu số chung trên bình quân ruộng đất, chúng ta đã làm con tính cộng đơn giản vài chục hộ gia đình thành một lập đoàn.

Trong hầu hết các xã áp đã khảo sát, chúng tôi nhận thấy các tập đoàn sản xuất thường làm hai việc sau đây:

- Quản lý đất đai (việc này nhiều khi các Ban Nhân dân áp cùng đảm nhiệm).

- Trung chuyển vật tư nông nghiệp đến hộ gia đình và ngược lại thu hồi và chuyển sản phẩm từ hộ gia đình đến nơi giao nộp cho Nhà nước (ở một vài xã, việc này cũng thực hiện qua bộ máy áp).

Giả định là những chức năng này cũng cần thiết thì trong đó chúng ta không nhận rõ được sự hợp tác tất yếu nào giữa các hộ gia đình. Vì vậy, có một thái độ phổ biến trong nông dân cho đến nay khá thờ ơ đối với công việc của tập đoàn sản xuất.

Nhưng cũng phải kể đến một vài kiểu hoạt động khác tuy mới chớm nở ở một số xã. Đó là những hội đồng kinh tế hai chiều giữa các công ty của huyện và một số tập đoàn vùng ven và cả vùng sâu. Thí dụ những hợp đồng “nhân giống” ở Thuận Hưng, Trung Hưng, những hợp đồng mía đậu ở Cù Lao, hợp đồng chăn nuôi ở vùng đất mới. Kết quả của những hợp đồng này là khá lạc quan với cách làm của tập đoàn chỉ chọn những hộ gia đình mà họ tin cậy được để trao vật tư, trao tiền vốn với đảm bảo chắc chắn thu hồi được sản phẩm. Như vậy, vai trò trung gian của tập đoàn trong trường hợp này có chiều hướng đi sát với sản xuất hơn và hé mở khả năng hợp tác kinh doanh khiến tập đoàn là người tổ chức sản xuất mà các hộ gia đình cần đến một cách tự nguyện hơn.

Phải nói rằng nguyên tắc hợp tác tự nguyện chưa bao giờ được quán triệt và thực hiện cụ thể cả. Cho nên chúng ta còn khó biết rằng nếu sự có sự tự nguyện này, nếu sự hợp tác là một tất yếu kinh tế chứ không phải là một tất yếu hành chính thì nông dân, các hộ gia đình sẽ lựa chọn như thế nào, hợp tác với ai, trong việc nào, ở quy mô nào, với những hình thức nào, huy động vốn liếng và phương tiện sẵn có vào sự hợp tác này ra sao. Vì khi đó thì hình thức, quy mô, phương thức quản lý trong những đơn vị hợp tác này chắc hẳn phải nhiều lần sinh động hơn là phương thức đơn điệu như hiện nay đang áp dụng đều khắp ở các tập đoàn sản xuất.

Tại sao lại chỉ có thể nói một cách hợp tác và chỉ trong một việc làm ruộng, tại sao sự hợp tác lại chỉ giới hạn trong một ranh giới cư trú và hành chánh, tại một gia đình lại chỉ có thể tham gia vào một cách hợp tác duy nhất là ở tập đoàn, tại sao lại không có thể có những hợp tác xã chuyên doanh về một số cây trồng, vật nuôi, thủy hải sản, tại sao không thể có những hợp tác chỉ liên hệ với các cơ quan kinh tế huyện, tỉnh mà không bị ràng buộc vào xã, ấp... Đó là những câu hỏi mà nhóm chúng tôi nêu lên để suy nghĩ với một số gợi ý đã có từ thực tiễn Thốt Nốt được nhắc ở trên.

Song, bất kể như thế nào, chúng tôi cũng muốn nhấn mạnh rằng: gia đình là đơn vị sản xuất cơ bản ở nông thôn, vì chính gia đình là đa dạng và có nhiều trình độ khác nhau, nên sự hợp tác giữa các gia đình đó nếu thực sự vì mục đích phát triển sản xuất thì phải là *hợp tác tự nguyện* và *hợp tác đa dạng*. Hành chính hóa các quan hệ này không phải là con đường đúng, hơn nữa đó là sự đơn điệu và tạo môi trường cho các tiêu cực quan liêu, mệnh lệnh, cửa quyền.